

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Thành.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hồng T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Ông Trần T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T trình bày:

Bà và ông Trần T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/10/2020.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Trần T1.

Về nuôi con chung: Bà và ông T1 không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Trần T1 là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt nên không có trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, ngày 07/10/2020, bà Lâm Thị Hồng T kết hôn với ông Trần T1 tại A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và chung sống hạnh phúc. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 8/2023 đến nay, bà T và ông T1 không còn chung sống với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông Trần T1 là ly hôn theo yêu cầu một bên có căn cứ.

Về con chung: Bà T và ông T1 không có con chung, về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng T.

Về con chung: Bà T và ông T1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần T1. Ông T1 có địa chỉ thường trú tại xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An) thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Đương sự không có con chung nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Thị Hồng T và ông Trần T1.

2. Về án phí: Bà Lâm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054912 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường 13, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H);
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy